

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 11/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 05 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn
ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân
bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Thực hiện Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư
công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon
Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;
Báo cáo số 188/BC-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân
tỉnh về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân, ý
kiến thảo luận Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Kon Tum (chi tiết tại Biểu số 01, 02, 03, 04, 05 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận: *Thư*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu quốc hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kon Tum;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.



CHỦ TỊCH

Dương Văn Trang

Biểu số 01

**TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG
TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Thủ tướng Chính phủ giao dự kiến tại Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021	Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo dự kiến kế hoạch của TTCP	Tăng (+)/Giảm (-) so với dự kiến kế hoạch vốn của TTCP giao	Ghi chú
	TỔNG SỐ	5.842.720	5.842.720		
	VỐN NSTW	5.842.720	5.842.720		
I	Vốn trong nước	5.340.420	5.340.420		
1	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực	4.440.420	4.440.420		Biểu số 2
-	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	490.920	490.920		
2	Các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng	900.000	900.000		Biểu số 3
II	Vốn nước ngoài	502.300	502.300		Biểu số 4



Biểu số 02

QUY KIỆN KINH ĐẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bỏ từ từ khởi công đến hết năm 2020			Dự kiến KH đầu tư trong hạn giải đoạn 2021-2025 nguồn NSTW			Ghi chú	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW						Tổng số		Thu hồi các khoản ứng trước
	TỔNG SỐ				9.507.387	7.228.960	1.783.450	1.640.493	6.124.000	4.440.420	490.920				
A	NGÂN HỤNH VỰC GIAO THÔNG				5.579.248	4.410.228	1.507.546	1.386.589	3.271.690	2.632.055	435.293				
I	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025				3.840.948	2.918.928	1.507.546	1.386.589	1.765.394	1.362.799	435.293				
a)	Dự án dự kiến bán giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025				3.840.948	2.918.928	1.507.546	1.386.589	1.765.394	1.362.799	435.293				
1	Dự án Đường NT18 - Khu KTCQT Bờ Y	BQL Khu Kinh tế tỉnh	Ngọc Hải	2008-2010	57-28/4/2007	484.665	183.244	183.244	295.418	295.418	295.418				
2	Dự án Đường N5 (đoạn nối từ đường NT18 đến đường HCM) Khu KTCQT Bờ Y	BQL Khu Kinh tế tỉnh	Ngọc Hải	2008-2010	207-06/10/2008	478.960	309.715	309.715	114.883	114.883	114.883				
3	Đường giao thông tránh lũ từ thôn 10 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà đi thôn 2 xã Diên Bình, huyện Đăk Tô	UBND huyện Đăk Hà	Đăk Hà	2010-	1083-15/11/2012	275.969	211.956	176.899	24.992	24.992	24.992				
4	Đường và cầu từ Tỉnh lộ 671 đi Quốc lộ 14	BQL các dự án 98	Kon Tum	2017-2020	1185-10/10/2016; 321-09/4/2019	150.000	98.011	12.111	126.986	112.886					
5	Đường giao thông kết nối từ đường Hồ Chí Minh đi Quốc lộ 24	BQL các dự án 98	Kon Tum	2017-2020	695-20/7/2017	685.000	616.500	616.500	144.000	68.500					
6	Đầu tư xây dựng các tuyến đường ĐĐT02, ĐĐT03, ĐĐT08 khu trung tâm huyện Ia H'Drai	UBND huyện Ia H'Drai	Ia H'Drai	2016-2019	478-14/7/2015 305-31/3/2016	98.034	60.000	60.000	28.200	28.200					
7	Dự án đường trục chính phía Tây thành phố Kon Tum	BQL các dự án 98	Kon Tum	2021-	1020-18/10/2020	1.492.600	746.300	28.120	1.030.915	717.880					
II	Chuẩn bị đầu tư								2.000	2.000					
1	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km0 - Km17+00; Km42+400 - Km49+300	Sở Giao thông vận tải	Kon Tum		NO 25-29/4/2021				1.000	1.000					
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 24 đi Tỉnh lộ 675	Sở Giao thông vận tải	Kon Tum		NO 26-29/4/2021				1.000	1.000					
III	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					1.738.300	1.491.300		1.504.296	1.267.296					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020			Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW			Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn XDCB	
a)	Dự án dự kiến bán giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					1.196.693	1.009.300		1.196.693	1.009.300		1.196.693	1.009.300		
1	Xây dựng cầu và đường hai đầu cầu từ bến du lịch xã Ia Chim, thành phố Kon Tum (Tỉnh lộ 671) đến đường giao thông kết nối với Tỉnh lộ 675A xã Ya Ly huyện Sa Thầy	Sở Giao thông vận tải	Kon Tum	2022-2025	NG 23-29/4/2021	189.234	152.000		189.234	152.000		189.234	152.000		
2	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 -Km52 (giao với đường Hồ Chí Minh)	Sở Giao thông vận tải	Kon Tum	2022-2025	NG 24-29/4/2021	128.940	115.000		128.940	115.000		128.940	115.000		
3	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 675 đoạn từ Km0 - Km24	Sở Giao thông vận tải	Kon Tum, Sa Thầy	2021-2024	NG 27-29/4/2021	129.773	116.800		129.773	116.800		129.773	116.800		
4	Đường giao thông từ xã Đắk Phe, huyện Kon Rẫy đi huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	UBND huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	2021-2024	NG 08-12/3/2021	150.000	135.000		150.000	135.000		150.000	135.000		
5	Đường trung tâm phía Nam thị trấn Plei Kán	UBND huyện Ngọc Hồi	Ngọc Hồi	2022-2024	NG 11-12/3/2021	246.000	200.000		246.000	200.000		246.000	200.000		
6	Đường từ Quốc lộ 24 đi khu nghỉ dưỡng khu vực Đông Nam	UBND huyện Kon Plong	Kon Plong	2022-2024	NG 34-29/4/2021	109.484	98.500		109.484	98.500		109.484	98.500		
7	Đường từ Trung tâm thị trấn Đắk Glei đến trung tâm xã Xốp, huyện Đắk Glei	UBND huyện Đắk Glei	Đắk Glei	2022-2025	NG 21-29/4/2021	263.262	192.000		263.262	192.000		263.262	192.000		
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025					541.607	482.000		541.607	482.000		541.607	482.000		
1	Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8 xã Đắk Pxi, huyện Đắk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Đắk Hà)	UBND huyện Đắk Hà	Đắk Hà	Từ 2023-	NG 33-29/4/2021	171.725	149.000		171.725	149.000		171.725	149.000		
2	Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8 xã Đắk Pxi, huyện Đắk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Tu Mơ Rông)	UBND huyện Tu Mơ Rông	Tu Mơ Rông	Từ 2023-	NG 32-29/4/2021	220.000	198.000		220.000	198.000		220.000	198.000		
3	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Tơi	UBND huyện Ia H'Drai	Ia H'Drai	Từ 2023-	NG 36-29/4/2021	149.882	135.000		149.882	135.000		149.882	135.000		
B	NGÀNH/ LĨNH VỰC CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC					400.984	356.484	81.022	400.984	356.484	81.022	400.984	356.484	81.022	
I	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					215.984	189.984	81.022	215.984	189.984	81.022	215.984	189.984	81.022	
a)	Dự án dự kiến bán giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					215.984	189.984	81.022	215.984	189.984	81.022	215.984	189.984	81.022	
1	Cấp nước sinh hoạt thị trấn Sa Thầy	BQL các dự án 88	Sa Thầy	2017-2020	1333-31/10/2016	116.000	90.000	34.373	116.000	90.000	34.373	116.000	90.000	34.373	
2	Cấp nước sinh hoạt Trung tâm huyện Ia H'Drai	UBND huyện Ia H'Drai	Ia H'Drai	2016-2019	476-14/7/2015 279-30/3/2016	99.984	99.984	46.649	99.984	99.984	46.649	99.984	99.984	46.649	
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					185.000	166.500		185.000	166.500		185.000	166.500		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020			Dự kiến KH đầu tư trong hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW			Ghi chú
						TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025					185.000	166.500		110.000	100.000					
1	Hệ thống thoát nước, vỉa hè các tuyến đường nội thành, thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	Từ 2023-	NO 35-29/4/2021	185.000	166.500		110.000	100.000					
C	NGÂN/H LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP					111.765	95.000	75.000	20.000	20.000					
I	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					111.765	95.000	75.000	20.000	20.000					
a)	Dự án dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					111.765	95.000	75.000	20.000	20.000					
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014 - 2020	Sở Công Thương	Toàn tỉnh	2017-	1072-21/10/2014 1128-24/10/2018	111.765	95.000	75.000	20.000	20.000					
D	NGÂN/H LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN					2.244.978	1.403.541	31.537	1.932.024	1.110.587					
I	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					522.941	493.441	31.537	444.885	435.385					
a)	Dự án dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					522.941	493.441	31.537	444.885	435.385					
1	Kê chống sét lờ bờ suối Đăk Ter	UBND huyện Tu Mơ Rông	Tu Mơ Rông	2020-2021	733-31/7/2020	49.500	20.000	30.000	19.500	10.000					
2	Dự án kê chống lũ lụt, sạt lở các làng đồng bào dân tộc thiểu số dọc sông ĐăkBa trên địa bàn thành phố Kon Tum (lũyện bờ Bắc - đoạn từ làng KonHraChốt đi làng Kon Tum Kơ Nặm, KonKor 1 và Kon Tum Kơ Pong)	BQL các dự án 98	Kon Tum	2021-2024	1106-10/11/2020	473.441	473.441	1.537	425.385	425.385					
II	Chuẩn bị đầu tư								1.000	1.000					
1	Thủy lợi Kon Braih 3, huyện Kon Plông	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	Kon Plông		NO 38-29/4/2021				1.000	1.000					
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					1.722.037	910.100		1.486.139	674.202					
a)	Dự án dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					552.740	500.100		552.740	500.100					
1	Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cắm, thành phố Kon Tum	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	Kon Tum	2021-2024	NO 07-12/3/2021; 215-24/3/2021	299.000	269.100		299.000	269.100					
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Chư Mom Ray	BQL Vườn quốc gia Chư Mom Ray	Sa Thầy	2022-2024	NO 19-29/4/2021	62.500	57.000		62.500	57.000					
3	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025	Chi cục Kiểm lâm tỉnh	Kon Tum	2022-2025	NO 28-29/4/2021	73.240	67.000		73.240	67.000					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020			Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW			Ghi chú		
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
4	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới hồ chứa Đăk Car và Đập Đăk Sĩa II, huyện Sa Thầy	BOL dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	Sa Thầy	2022-2025	NQ 20-29/4/2021	118.000	107.000	118.000	107.000	107.000						
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025					1.169.297	410.000	933.399	174.102	174.102						
1	Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kon Tum	Từ 2023-	NQ 31-29/4/2021	985.797	230.000	855.797	100.000	100.000						
2	Kê chống sạt lở sông Đăk Tô Kan (đoạn cầu 42), huyện Đăk Tô	UBND huyện Đăk Tô	Đăk Tô	Từ 2023-	NQ 22-29/4/2021	183.500	180.000	77.602	74.102	74.102						
E	NGÂN HÀNG VỰC QUỐC PHÒNG					507.638	493.205	86.345	374.766	368.531						
I	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					438.403	430.205	86.345	305.531	305.531						
a)	Dự án dự kiến bán giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					438.403	430.205	86.345	305.531	305.531						
1	Đường giao thông kết nối phục vụ phát triển KTXH và đảm bảo OPAN từ xã Rờ Kơri huyện Sa Thầy đi xã Sa Loong huyện Ngọc Hồi (giai đoạn 1)	UBND huyện Sa Thầy	Sa Thầy	2017-2021	1086-30/10/2015	101.744	101.744	68.152	20.257	20.257						
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã vùng ATK tỉnh Kon Tum	UBND huyện Tu Mơ Rông; UBND huyện Đăk Glei	Tu Mơ Rông; Đăk Glei	2020-2023	278-31/10/2016	86.721	78.523	13.193	65.330	65.330						
3	Đường giao thông tiếp nối với Tỉnh lộ 674 đến đường tuần tra biên giới xã Mỏ Rai, huyện Sa Thầy	UBND huyện Sa Thầy	Sa Thầy	2020-2023	1293-31/10/2016-1193-02/12/2020	249.938	249.938	5.000	219.944	219.944						
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					69.235	63.000	69.235	63.000	63.000						
a)	Dự án dự kiến bán giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					69.235	63.000	69.235	63.000	63.000						
1	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Toàn tỉnh	2022-2025	NQ 18-29/4/2021	69.235	63.000	69.235	63.000	63.000						
F	NGÂN HÀNG VỰC Y TẾ					112.775	70.502	112.775	70.502	70.502						
I	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					112.775	70.502	112.775	70.502	70.502						
a)	Dự án dự kiến bán giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					112.775	70.502	112.775	70.502	70.502						
1	Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện 60 giường bệnh)	Sở Y tế	Ia H'Drai	2021-2024	NQ 71-09/12/2020	112.775	70.502	112.775	70.502	70.502						
G	NGÂN HÀNG VỰC VĂN HÓA					1.000	1.000	1.000	1.000	1.000						

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW			Ghi chú	
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: Vốn NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW					Tổng số		Thu hồi các khoản ứng trước
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ													
1	Tồn tạo, phục dựng Di tích lịch sử Nhà ngục Kon Tum	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	Kon Tum		NQ 37-29/4/2021				1.000	1.000				
H	NGÂN HÀNG VIỆC GIÁO DỤC					550.000	400.000		188.818	38.318				
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ								500	500				
1	Xây dựng mới Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú huyện Đắk Hà	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đắk Hà		NQ 30-29/4/2021				500	500				
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025													
a)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025					550.000	400.000		188.318	38.318				
1	Bổ sung thiết bị cho các trường theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	Toàn tỉnh		NQ 29-29/4/2021	550.000	400.000		188.318	38.318				
						550.000	400.000		188.318	38.318				
						550.000	400.000		188.318	38.318				



Biểu số 03

ĐỦ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BÓ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, LAN TỎA, CÓ TÍNH CHẤT LIÊN VÙNG, LIÊN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW			Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số	Trong đó			
	TỔNG SỐ					1.300.000	900.000	1.300.000	900.000	900.000			
	NGÂN HỒNH VỰC GIAO THÔNG					1.300.000	900.000	1.300.000	900.000	900.000			
I	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					1.300.000	900.000	1.300.000	900.000	900.000			
a)	Dự án dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					1.300.000	900.000	1.300.000	900.000	900.000			
-	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Ban quản lý các dự án 98	Kon Plong	2021-	NQ 17-29/4/2021	1.300.000	900.000	1.300.000	900.000	900.000			

